**HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH, XẾP LOẠI VÀ HOÀN THIỆN BIÊN BẢN**

**THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM**

# CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

**I. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Tài liệu liệu này hướng dẫn thẩm định, đánh giá xếp loại loại điều kiện bảo đảm ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

**II. HƯỚNG DẪN XẾP LOẠI**

**1. Định nghĩa mức lỗi**

**- *Lỗi nghiêm trọng (Se):*** Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, gây mất ATTP, ảnh hưởng tới sức khoẻ người tiêu dùng.

*-*  ***Lỗi nặng (Ma):*** Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây mất an toàn thực phẩm nhưng chưa tới mức nghiêm trọng.

*-*  ***Lỗi nhẹ (Mi):*** Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát ATTP nhưng chưa đến mức nặng

**2. Bảng xếp loại:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức lỗi**  **Xếp loại** | **Nhẹ** | **Nặng** | **Nghiêm trọng** |
| Loại A | ≤ 5 | 0 | 0 |
| Loại B | > 5 đến 10 | 0 | 0 |
| Mi + Ma ≤ 8 và Ma ≤ 3 | | 0 |
| Loại C | Mi + Ma > 8 và Ma > 3 | | 0 |
| - | ≥4 | 0 |
| - | - | ≥ 1 |

*Ghi chú: ( - ) Không tính đến*

**3. Diễn giải:**

**3.1. Cơ sở đủ điều kiện: Khi cơ sở xếp loại A hoặc B**

**3.1.1. Cơ sở được xếp loại A khi đạt các điều kiện sau:**

- Không có lỗi Nặng và lỗi Nghiêm trọng;

và - Tổng số sai lỗi Nhẹ (Mi) không quá 05 chỉ tiêu.

**3.1.2. Cơ sở xếp loại B khi thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Không có lỗi Nghiêm trọng và

- Một trong Hai trường hợp sau:

+ Không có lỗi Nặng, số lỗi Nhẹ lớn hơn 05 chỉ tiêu; hoặc

+ Số lỗi Nặng không quá 03 chỉ tiêu và tổng số lỗi Nhẹ + Nặng không quá 08 chỉ tiêu.

**3.2. Cơ sở xếp chưa đủ điều kiện: Khi cơ sở xếp loại C**

**3.2.1.Cơ sở xếp loại C khi vướng vào một trong các điều kiện sau:**

- Có lỗi Nghiêm trọng hoặc

- Một trong các trường hợp sau:

+ Có số lỗi Nặng ≥ 04 chỉ tiêu; hoặc

+ Có dưới hoặc bằng 03 lỗi Nặng và tổng số lỗi Nhẹ + Nặng lớn hơn 08 chỉ tiêu.

**III. PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH:**

**A. Ghi biên bản thẩm định:**

* Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.
* Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.
* Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn thẩm định.

**B. Nguyên tắc đánh giá:**

* Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong mỗi nhóm chỉ tiêu.
* Với mỗi chỉ tiêu, chỉ xác định mức sai lỗi tại các cột có ký hiệu [ ], không được xác định mức sai lỗi vào cột không có ký hiệu [ ].
* Dùng ký hiệu X hoặc đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi nhóm chỉ tiêu.
* Kết quả đánh giá tổng hợp chung của một nhóm chỉ tiêu là mức đánh giá cao nhất của chỉ tiêu trong nhóm, thống nhất ghi như sau: Ac (Đạt), Mi (Lỗi nhẹ), Ma (Lỗi nặng), Se (Lỗi nghiêm trọng).
* Phải diễn giải chi tiết sai lỗi đã được xác định cho mỗi nhóm chỉ tiêu và thời hạn cơ sở phải khắc phục sai lỗi đó. Đối với nhóm chỉ tiêu không đánh giá cần ghi rõ lý do trong cột ‘Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục”.

**C. Hướng dẫn đánh giá đối với từng chỉ tiêu:**

**1. Địa điểm sản xuất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **1.** | **Luật ATTP:**  Điều 19, Khoản 1, Điểm a;  Điều 23, Khoản 1, Điểm a;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Địa điểm sản xuất** (phù hợp với quy hoạch của địa phương; có khoảng cách thích hợp với các nguồn ô nhiễm như khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp... tránh gây ô nhiễm cho người…) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**1.1. Yêu cầu:**

Cơ sở sản xuất sản phẩm nông sản có nguồn gốc động vật phải có địa điểm, diện tích thích hợp, bảo đảm để sản xuất thực phẩm an toàn; không gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh.

**1.2. Phạm vi:**

Toàn bộ khu vực sản xuất và các khu vực phụ trợ.

**1.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Cơ sở sản xuất sản phẩm nông sản có nguồn gốc động vật phải có địa điểm, diện tích thích hợp, bảo đảm để sản xuất thực phẩm an toàn;

- Có khoảng cách thích hợp, không bị ảnh hưởng bởi các tác nhân ô nhiễm từ môi trường xung quanh (khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ tập trung, nghĩa trang, khu công nghiệp...).

- Không gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh.

**2.** **Kết cấu, bố trí trại nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **2** | **Luật ATTP:**  Điều 19, Khoản 1, Điểm a;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Kết cấu, bố trí trại nuôi** (đủ diện tích; kết cấu hợp lý; dễ làm vệ sinh; các khu vực nuôi khác nhau có tường rào ngăn cách; có hệ thống vệ sinh sát trùng…) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**2.1. Yêu cầu:**

- Kết cấu, bố trí trại nuôi hợp lý, dễ làm vệ sinh, có hệ thống sát trùng.

**2.2. Phạm vi:**

- Toàn bộ trại nuôi và xung quanh khu vực sản xuất.

**2.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét, thẩm định thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Trại nuôi có đủ diện tích; kết cấu hợp lý; dễ làm vệ sinh;

- Các khu vực nuôi khác nhau có tường rào ngăn cách;

- Có hệ thống vệ sinh sát trùng…

**3.** **Con giống**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **3** | **Luật ATTP:**  Điều 23, Khoản 1, Điểm b;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Con giống** (có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm; tuân thủ đúng quy trình nhập đàn: nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại…) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**3.1. Yêu cầu:**

- Con giống có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng, tuân thủ quy trình nhập đàn.

**3.2. Phạm vi:**

**-** Vật nuôi tại trang trại.

- Hồ sơ mua con giống (nếu có), hồ sơ tiêm phòng, sát trùng chuồng trại.

**3.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Con giống có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng bảo đảm;

- Tuân thủ đúng quy trình nhập đàn: nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại…

**4. Thức ăn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **4** | **Luật ATTP:**  Điều 23, Khoản 1, Điểm b;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Thức ăn** (thức ăn có trong danh mục được phép sử dụng; việc trộn thức ăn, sử dụng thức ăn theo đúng quy định, phù hợp giai đoạn chăn nuôi; kho chứa, bảo quản đúng cách…) |  | [    ] | [    ] | [    ] |  |

**4.1. Yêu cầu:**

- Thức ăn không là nguồn lây nhiễm cho sản phẩm.

**4.2. Phạm vi:**

- Kho chứa/bảo quản thức ăn (nếu có).

- Khu vực sản xuất, phối trộn thức ăn (nếu có).

- Việc sử dụng thức ăn trên thực tế.

**4.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

-Thức ăn có thành phần trong danh mục được phép sử dụng;

- Việc trộn thức ăn, sử dụng thức ăn theo đúng quy định, phù hợp giai đoạn chăn nuôi;

- Bảo quản đúng cách…

**5. Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **5** | **Luật ATTP:**  Điều 23, Khoản 1, Điểm b;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục**…(có trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng đúng quy định; bảo quản đúng cách; tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất…) |  | [    ] | [    ] | [    ] |  |

**5.1. Yêu cầu:**

- Việc sử dụng thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục… theo đúng quy định.

**5.2. Phạm vi:**

- Kho chứa, hóa đơn mua thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục...

- Việc sử dụng thuốc thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục… trên thực tế (nếu có).

**5.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

-Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, chất phát dục… có trong danh mục được phép sử dụng;

- Việc sử dụng đúng quy định; bảo quản đúng cách;

- Tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất…

**6.** V**ật nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **6** | **Luật ATTP:**  Điều 11, Khoản 3;  Điều 23, Khoản 1, Điểm b,c;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Vật nuôi** (tuân thủ quy định về kiểm dịch, có chứng nhận vệ sinh thú y; tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh; cách ly khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh; xuất bán .…) |  | [    ] | [    ] | [    ] |  |

**6.1. Yêu cầu:**

- Vật nuôi tuân thủ đúng quy định về kiểm dịch, tiêm phòng, cách ly.

**6.2. Phạm vi:**

**-** Vật nuôi trong trang trại chăn nuôi.

- Hồ sơ nuôi, kiểm soát dịch bệnh, nhập vật nuôi và xuất bán hàng.

**6.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Vật nuôi tuân thủ quy định về kiểm dịch, có chứng nhận vệ sinh thú y;

- Có tiêm phòng; phòng chống dịch bệnh; cách ly khi vật nuôi có dấu hiệu bị bệnh; xuất bán .…

- Nhà cung cấp con giống. Kết quả thử nghiệm giống vật nuôi (nếu là giống lạ, giống mới) theo quy định.

**7. Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **7** | **Luật ATTP:**  Điều 19, Khoản 1, Điểm c,d;  Điều 23, Khoản 1, Điểm d,đ;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải** (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp vệ sinh chăn nuôi, sát trùng chuồng trại; sử dụng chất tẩy rửa, khử trùng nằm trong danh mục được phép sử dụng; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn…) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**7.1. Yêu cầu:**

- Có biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt hiệu quả động vật gây hại.

- Chuồng trại được vệ sinh, sát trùng.

- Chất thải rắn, nước thải được thu gom, xử lý theo quy định, tránh gây ô nhiễm ra môi trường.

**7.2. Phạm vi:**

- Khu vực chăn nuôi và xung quanh trang trại chăn nuôi.

- Hệ thống thoát nước thải, khu vực thu gom chất thải rắn.

- Hồ sơ kiểm soát (nếu có).

**7.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại không han gỉ, dễ tháo rời để bảo dưỡng và làm vệ sinh, thiết kế bảo đảm hoạt động hiệu quả phòng chống côn trùng và động vật gây hại.

- Có biện pháp vệ sinh trại chăn nuôi, sát trùng chuồng trại; sử dụng chất tẩy rửa, khử trùng nằm trong danh mục được phép sử dụng.

- Rãnh thoát nước thải: không thấm nước, thoát nhanh, không đọng nước và dễ làm vệ sinh; nước thải phải được xử lý trước khi đổ vào môi trường.

- Có dụng cụ, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn…

**8.** **Nước uống, thiết bị chăn nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **8** | **Luật ATTP:**  Điều 19, Khoản 1, Điểm c;  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Nước uống, nước cấp, thiết bị chăn nuôi** (nước uống cho vật nuôi đáp ứng quy định QCVN 01-39:2011/BNNPTNT; thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gỉ sét; không gây độc cho vật nuôi; dễ làm vệ sinh…) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**8.1. Yêu cầu:**

- Nước uống cho vật nuôi đáp ứng quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gây độc cho vật nuôi

**8.2. Phạm vi:**

- Hệ thống cung cấp nước, xử lý nước, bể chứa, vòi nước… cho động vật uống và hồ sơ lưu trữ về kết quả phân tích mẫu nước.

- Toàn bộ trang thiết bị ở trang trại nuôi.

**8.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét, thẩm định trên thực tế và phỏng vấn để xác định:

- Hệ thống cung cấp nước (bể chứa, ống dẫn, vòi...) bảo đảm an toàn để cho vật nuôi uống;

- Kết quả phân tích mẫu nước dùng cho vật nuôi uống;

- Trang thiết bị chăn nuôi phù hợp, không gỉ sét; không gây độc cho vật nuôi;

- Dễ làm vệ sinh và trong tình trạng được bảo trì tốt.

**9. Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **9** | **Luật ATTP:**  Điều 19, Khoản 1, Điểm e.  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân** (người trực tiếp sản xuất bảo đảm sức khỏe để sản xuất; có kiến thức ATTP; được trang bị bảo hộ lao động; có trang thiết bị vệ sinh công nhân; nhà vệ sinh bố trí hợp lý …) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**9.1. Yêu cầu:**

- Người trực tiếp sản xuất có kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định, được khám sức khỏe theo quy định; được trang bị bảo hộ lao động;

- Trang trại có thiết bị vệ sinh cá nhân cho người lao động phù hợp; bố trí nhà vệ sinh hợp lý.

**9.2. Phạm vi:**

- Người trực tiếp sản xuất.

- Khu vực vệ sinh cá nhân, thay bảo hộ lao động; nhà vệ sinh.

- Kiến thức ATTP của người trực tiếp sản xuất;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe theo quy định.

**9.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Người trực tiếp sản xuất có kiến thức về an toàn thực phẩm, được khám sức khỏe theo quy định.

- Người lao động được trang bị bảo hộ lao động (quần áo, ủng, găng tay)

-  Có phương tiện rửa, khử trùng tay trước khi tiếp xúc với động vật nuôi và sau khi đi vệ sinh (xà phòng, nước rửa).

- Khu vực vệ sinh công nhân cách biệt với khu vực chăn nuôi.

**10. Ghi chép và truy xuất nguồn gốc**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm chỉ tiêu** | **Ðiều khoản**  **tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu** | **Kết quả đánh giá** | | | | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| **Mức đánh giá** | | | |
| **Đạt**  **(Ac)** | **Nhẹ**  **(Mi)** | **Nặng**  **(Ma)** | **Nghiêm trọng**  **(Se)** |
| **10** | **Luật ATTP:**  Điều 11, Khoản 2  Điều 19, Khoản 1, Điểm đ;  Điều 23, Khoản 1, Điểm e .  **QCKT tương ứng** (nếu có); | **Ghi chép, truy xuất nguồn gốc** (có quy định về vệ sinh chuồng trại…; có ghi chép việc sử dụng thuốc hóa chất, thuốc thú y, thức ăn, thời gian xuất chuồng…) |  | [    ] | [    ] |  |  |

**10.1. Yêu cầu:**

- Có quy định về vệ sinh chuồng trại…;

- Có khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm; thời gian xuất chuồng và nơi tiêu thụ sản phẩm.

- Có ghi chép việc sử dụng thức ăn, thuốc thú y.

**10.2. Phạm vi:**

**-** Người sản xuất.

- Quy định, ghi chép, hóa đơn (nếu có) về xuất xứ và việc sử dụng thức ăn, thuốc thú y…

**10.3. Phương pháp và nội dung thẩm định, đánh giá:**

Xem xét thẩm định trên thực tế, hồ sơ và phỏng vấn để xác định:

- Có quy định về vệ sinh chuồng trại…;

- Có hồ sơ ghi chép theo dõi nguồn cung cấp và việc sử dụng thức ăn, thuốc thú y (ngày mua, tên hàng hóa, người bán, khối lượng, việc sử dụng, thời gian cách ly…).

- Có hồ sơ ghi chép theo dõi tiêu thụ sản phẩm (ngày, tên sản phẩm, người mua, trọng lượng).

- Biện pháp xử lý khi sản phẩm có vấn đề về ATTP (nếu có).